

Bản án số: 33/2024/DS-ST

Ngày: 30/01/2024

V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và
Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà **ÂU THỊ THẢO**.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**.
2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 430/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **NGUYỄN THANH H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp 4, xã An Thái Tr, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quang Nh, sinh năm 1956; Địa chỉ: số 461C, tổ 23, khu 4, thị trấn Cái B, huyện Cái B, tỉnh Tiền G là người đại diện theo ủy quyền của anh H (văn bản ủy quyền đề ngày 21/6/2023). (có mặt)

* **Bi đơn:** Ông **TRẦN VĂN S**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp 4, xã An Thái Tr, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quang Nh trình bày:

Vào ngày 16/9/2019 ông S có làm giấy thỏa thuận thừa nhận có nợ anh H số tiền tổng cộng là 69.000.000 đồng. Trong đó, có số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng và số tiền nợ hụi do ông S có tham gia chơi các dây hụi của anh H làm chủ thảo hụi và còn nợ lại số tiền hụi chết chưa đóng là 44.000.000 đồng cụ thể ông S tham gia các dây hụi như sau:

Dây hội khui ngày 25/01/2018 âm lịch, hội tiền, một tháng khui hội một lần, một phần hội là 2.000.000 đồng, ông S tham gia 01 phần và đã hốt hội và còn nợ lại hội chết của dây hội này với số tiền là 29.000.000 đồng chưa trả và ông S có ký vào biên nhận chốt nợ hội ngày 30/2/2018 âm lịch có chữ ký của bị đơn xác nhận biên nhận.

Dây hội khui ngày 15/8/2018 âm lịch, hội tiền, một tháng khui hội một lần, một phần hội là 2.000.000 đồng, ông S tham gia 01 phần và đã hốt hội và còn nợ lại hội chết của dây hội này với số tiền là 23.600.000 đồng chưa trả và ông S có ký vào biên nhận chốt nợ hội ngày 20/11/2018 âm lịch có chữ ký của bị đơn xác nhận biên nhận. Hai dây hội nêu trên đã mãn.

Tổng cộng 02 dây hội ông S còn nợ lại anh H số tiền là 52.600.000 đồng nhưng khi tổng kết lại bằng văn bản thảo thuận ngày 16/9/2019 do ông S có trả cho anh H được 8.600.000 đồng nên ông S còn nợ lại anh H số tiền hội là 44.000.000 đồng. Sau khi viết giấy thỏa thuận trả tiền thì ông S cam kết trả hàng tháng cho anh H tổng số tiền nợ nêu trên trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng ông S thực hiện trả được 3 lần với số tiền là 9.000.000 đồng nên ông S còn nợ tiền hội là 35.000.000 đồng và có thỏa thuận trả lãi suất với mức là mỗi tháng 150.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong số nợ nêu trên. Bị đơn vi phạm cam kết không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào ngày 16/01/2020 cho đến nay thì ông S không trả tiếp số tiền nợ cho nguyên đơn. Do ông S không thực hiện đúng theo cam kết thỏa thuận nêu trên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh H nên phát sinh tranh chấp.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Văn S phải có trách nhiệm trả cho anh Hải số tiền nợ vay và nợ hội tổng cộng là 60.000.000 đồng. Trong đó số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng và tiền nợ hội còn thiếu là 35.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 16/01/2020 cho đến ngày 16/01/2024 (tức là 48 tháng) yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền mà ông S nợ hội của anh H.

Bị đơn Trần Văn S không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện nêu trên. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa anh Nguyễn Thanh H và ông Trần Văn S là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hội” theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Nguyên đơn xác định bị đơn có vay và nợ hội của nguyên đơn với số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng trong đó có tiền nợ vay là 25.000.000 đồng và nợ hội là 35.000.000 đồng hai bên có làm biên nhận nợ với nhau vào ngày 16/9/2019,

có thỏa thuận lãi suất là 150.000 đồng/tháng khi đến hạn trả thì bị đơn không thực hiện. Nay phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng và tiền nợ hui còn thiếu là 35.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 16/01/2020 cho đến ngày 16/01/2024 (là 48 tháng) yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Còn phía bị đơn ông S không có văn bản ý kiến và vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 01 giấy thỏa thuận đề vào ngày 16/9/2019 biên nhận nêu trên thể hiện phía bị đơn ông S thừa nhận là người trực tiếp xác lập công nợ với số tiền nợ theo biên nhận là nợ vay là 25.000.000 đồng và nợ hui là 44.000.000 đồng và cam kết thực hiện việc trả tổng số nợ nêu trên cho nguyên đơn mỗi tháng 3.000.000 đồng bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/10/2019 cho đến khi trả hết nợ, từ khi xác nhận biên nhận cho đến nay thì bị đơn thực hiện trả cho phía nguyên đơn được số tiền nợ hui còn thiếu là 9.000.000 đồng. Từ ngày 16/01/2020 cho đến nay thì bị đơn không thực hiện việc trả thêm cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nào cho nguyên đơn, có chữ ký tên xác nhận của bị đơn trong biên nhận nêu trên. Thêm vào đó, Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ cho bị đơn, đồng thời tổng đạt các văn bản tố tụng cho phía bị đơn ông Trần Văn S theo quy định của pháp luật thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng phía bị đơn ông S vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện xem như phía bị đơn ông S tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho phía nguyên đơn. Từ đó, xác định việc bị đơn có vay tiền và nợ tiền hui của nguyên đơn và hiện còn thiếu nợ lại nguyên đơn số tiền vay là 25.000.000 đồng và tiền nợ hui là 35.000.000 đồng là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trần Văn S phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền vay vốn còn thiếu là 25.000.000 đồng và số tiền nợ hui là 35.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Vấn đề lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày 16/01/2020 là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 16/01/2024 (tức là 48 tháng) với mức 1,66%/tháng đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nhằm tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn nên tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng và thời gian mà bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp theo quy định của pháp luật. Mặt khác, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 150.000đồng/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày 16/01/2020 đến ngày 16/01/2024 với mức 1,66%/tháng thời mức lãi suất này cũng nằm trong giới hạn không vượt quá 20%/01 năm của khoản tiền vay theo quy định pháp luật và phù hợp tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Số tiền cụ thể được tính như sau:

Số tiền 25.000.000đ x 1,66%/tháng x 48 tháng = 19.920.000đồng

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ hui mà bị đơn nợ là 35.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Như vậy, ông S phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh H số tiền vốn vay cùng tiền lãi phát sinh chậm trả là 25.000.000đ + 19.920.000 = 44.920.000 đồng và số tiền nợ hui là 35.000.000 đồng. Tổng cộng là 79.920.000 đồng.

[4] **Về án phí:** Bị đơn ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đơn yêu cầu được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

- Buộc ông Trần Văn S có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền vay còn nợ cùng tiền lãi phát sinh chậm trả tổng cộng là: **44.920.000** đồng. Trong đó có tiền nợ gốc là **25.000.000** đồng và tiền lãi là **19.920.000** đồng.

- Buộc ông Trần Văn S phải chịu trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền nợ hui là: **35.000.000** đồng.

- Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Ông Trần Văn S phải chịu 3.996.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 2.521.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0012902 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Sánh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án

được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (đề thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ÂU THỊ THẢO

Nơi nhân:
THẨM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

- TAND Tỉnh Tiền Giang;

TÒA

- VKSND Huyện Cái Bè;

- Chi cục THADS huyện Cái Bè;

- Các đương sự;

- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

NGUYỄN TRUNG TÍNH